

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Số: 12/2022/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bạc Liêu, ngày 13 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước tỉnh Bạc Liêu năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh “ban hành Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước tỉnh Bạc Liêu năm 2022”

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số 188/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh “về việc thông qua dự thảo nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước tỉnh Bạc Liêu năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước tỉnh Bạc Liêu năm 2022”; báo cáo thẩm

tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước tỉnh Bạc Liêu năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh *“ban hành Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước tỉnh Bạc Liêu năm 2022”*, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 1 như sau:

“a) Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số biên chế được cấp thẩm quyền giao, trường hợp đơn vị có số người làm việc thực tế thấp hơn biên chế được giao thì những biên chế chưa tuyển dụng được tính theo hệ số 2,34, bao gồm: Tiền lương, phụ cấp lương (*kể cả các khoản phụ cấp đặc thù như: phụ cấp nghề thanh tra, kiểm tra; phụ cấp ưu đãi ngành giáo dục, y tế; phụ cấp cấp ủy Đảng; phụ cấp độc hại, trách nhiệm, phụ cấp công vụ, ...*), các khoản có tính chất lương (*bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn*), được tính theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng; khi mức lương cơ sở được Chính phủ điều chỉnh thì thực hiện theo mức lương cơ sở mới.

Đối với đơn vị được cấp thẩm quyền giao thực hiện cơ chế tự chủ trong năm không xác định lại quỹ lương, đơn vị tự cân đối trong dự toán được giao (*kể cả tăng hệ số lương theo định kỳ*); đối với đơn vị chưa được cấp thẩm quyền giao thực hiện cơ chế tự chủ, tại thời điểm tháng 9 năm dự toán sẽ thực hiện xác định lại quỹ lương.

Nguyên tắc xây dựng dự toán hàng năm trên cơ sở số biên chế thực tế có mặt tại thời điểm tháng 9 năm trước năm dự toán và số biên chế chưa tuyển dụng (*trong chỉ tiêu biên chế giao*) và được tính theo hệ số 2,34. Các đơn vị, địa phương tổng hợp, báo cáo để làm cơ sở xây dựng dự toán năm sau”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Về biên chế.

Xác định trên cơ sở số biên chế được cấp có thẩm quyền giao tại thời điểm xây dựng dự toán (*trường hợp thời điểm xây dựng dự toán, nhưng chưa được cấp thẩm quyền giao biên chế thì xây dựng bằng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm trước đó*”).

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1; điểm b khoản 3; điểm b khoản 4; điểm b khoản 5; điểm b khoản 6; điểm b khoản 7; điểm b khoản 8; điểm b khoản 9; điểm b khoản 10 và điểm b khoản 11 Điều 3, như sau:

3.1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 3 như sau:

“b) Định mức phân bổ: Đối với đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

Số biên chế / đơn vị	Định mức phân bổ
- Dưới 10 biên chế	27
- Từ biên chế thứ 10 đến biên chế thứ 15	26
- Từ biên chế thứ 16 trở lên	25

3.2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 3 như sau:

“b) Định mức phân bổ:

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

Cấp học	Định mức phân bổ
Trung học phổ thông	19
Trung học phổ thông chuyên	25
Trung học phổ thông dân tộc nội trú	30

3.3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 3 như sau:

“b) Định mức phân bổ:

- Đối với đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (không kể Trường Chính trị Châu Văn Đăng tỉnh)

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

Cấp học	Định mức phân bổ
Đại học, cao đẳng	27
Trung học chuyên nghiệp	25
Dạy nghề phổ thông	23

- Định mức đối với Trường Chính trị Châu Văn Đăng tỉnh Bạc Liêu: Áp dụng theo định mức đối với cơ quan Đảng, Mặt trận, Đoàn thể, cơ quan quản lý Nhà nước cấp tỉnh. Định mức phân bổ cho Trường Chính trị Châu Văn Đăng tỉnh Bạc Liêu đã bao gồm: Chi hoạt động và thực hiện công tác đào tạo cán bộ, công chức của Trường (với nhiều loại hình khác nhau như: tập trung, tại chức, dài hạn, ngắn hạn, ...).”

3.4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 3 như sau:

“b) Định mức phân bổ:

- Định mức phân bổ theo biên chế

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

Số biên chế / đơn vị	Định mức phân bổ
- Dưới 10 biên chế	27
- Từ biên chế thứ 10 đến thứ 15	26
- Từ biên chế thứ 16 trở lên	25

- Định mức phân bổ theo dân số: 3.150 đồng/người dân/năm”.

3.5) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Điều 3 như sau:

“b) Định mức phân bổ:

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

Số biên chế / đơn vị	Định mức phân bổ
- Dưới 10 biên chế	27
- Từ biên chế thứ 10 đến thứ 15	26
- Từ biên chế thứ 16 trở lên	25

3.6. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 7 Điều 3 như sau:

“b) Định mức phân bổ:

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

Số biên chế / đơn vị	Định mức phân bổ
- Dưới 10 biên chế	27
- Từ biên chế thứ 10 đến thứ 15	26
- Từ biên chế thứ 16 trở lên	25

3.7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 8 Điều 3 như sau:

“b) Định mức phân bổ:

- Định mức phân bổ theo biên chế

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

Số biên chế / đơn vị	Định mức phân bổ
- Dưới 10 biên chế	27
- Từ biên chế thứ 10 đến thứ 15	26
- Từ biên chế thứ 16 trở lên	25

3.8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 9 Điều 3 như sau:

“b) Định mức phân bổ:

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

Số biên chế / đơn vị	Định mức phân bổ
- Dưới 10 biên chế	27
- Từ biên chế thứ 10 đến thứ 15	26
- Từ biên chế thứ 16 trở lên	25

3.9. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 10 Điều 3 như sau:

“b) Định mức phân bổ:

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

Số biên chế / đơn vị	Định mức phân bổ
- Dưới 10 biên chế	27
- Từ biên chế thứ 10 đến thứ 15	26
- Từ biên chế thứ 16 trở lên	25

3.10. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 11 Điều 3 như sau:

“b) Định mức phân bổ:

- Định mức đối với cơ quan Đảng, Mặt trận, Đoàn thể, cơ quan quản lý Nhà nước

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

STT	Số biên chế / đơn vị	Định mức phân bổ
1	Dưới 11 biên chế	38
2	Từ biên chế thứ 11 đến thứ 20	35
3	Từ biên chế thứ 21 đến thứ 40	34
4	Từ biên chế thứ 41 đến thứ 60	33
5	Từ biên chế thứ 61 trở lên	32

- Định mức đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

Số biên chế / đơn vị	Định mức phân bổ
- Dưới 10 biên chế	27
- Từ biên chế thứ 10 đến thứ 15	26
- Từ biên chế thứ 16 trở lên	25

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1; điểm b khoản 3; điểm c khoản 9 và điểm b khoản 11 Điều 4 như sau:

4.1 Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4:

“1. Tiêu chí, định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế:

- Kinh phí xử lý kiến nghị của cử tri là 550 triệu đồng/đơn vị cấp huyện.
- Công tác kiến thiết thị chính, chỉnh trang đô thị, lập kế hoạch sử dụng đất và thực hiện các nhiệm vụ khác là 5.000 triệu đồng/đơn vị cấp huyện.

- Thành phố Bạc Liêu và thị xã Giá Rai được bổ sung thêm theo tiêu chí đô thị: thành phố Bạc Liêu là 25.000 triệu đồng; thị xã Giá Rai là 10.000 triệu đồng;

- Đối với đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên:

+ Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao;

+ Kinh phí hoạt động thường xuyên: Tính theo biên chế, định mức phân bổ là 25.000.000 đồng/biên chế/năm.

Tiêu chí, định mức bổ sung: Căn cứ những chế độ, chính sách của từng năm được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, mức hỗ trợ theo số được Trung ương phân bổ, chế độ quy định và bổ sung thêm nhiệm vụ như:

- Kinh phí hỗ trợ sử dụng giá dịch vụ, sản phẩm công trình thủy lợi (*cấp bù thủy lợi phí*).

- Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa,...

- Chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công, cầu đường, các công trình giao thông, thủy lợi; các hoạt động sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp; công tác đo, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính; điều tra cơ bản, cấp thoát nước, kiến thiết thị chính, công nghệ thông tin và các sự nghiệp kinh tế khác,... tính phân bổ theo nhiệm vụ, công việc được giao trong phạm vi khả năng nguồn vốn ngân sách”.

4.2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 4:

“b) Định mức phân bổ:

Kinh phí hoạt động thường xuyên: Định mức phân bổ 19 triệu đồng / biên chế”

4.3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 9 Điều 4:

“c) Tiêu chí, định mức bổ sung:

- Kinh phí thực hiện chính sách Bảo trợ xã hội, phân bổ trên cơ sở số giao dự toán của Trung ương.

- Kinh phí chi hoạt động, quản lý đối tượng Bảo trợ xã hội, mức chi hoạt động là 30 triệu đồng/huyện/năm và chi thù lao cho cán bộ trực tiếp chi trả trợ cấp 500.000 đồng/tháng/xã, phường, thị trấn.

- Quà tặng cho người cao tuổi: Dự toán ngân sách hàng năm trên cơ sở số đối tượng thực tế của địa phương năm trước nhân (x) với mức chi theo quy định.

- Riêng Thành phố Bạc Liêu được bổ sung thêm kinh phí cho Trung tâm bảo trợ xã hội gồm: Đảm bảo nhóm chi con người theo biên chế được cấp thẩm quyền giao và kinh phí hoạt động với mức 25.000.000 đồng/năm/biên chế”.

4.4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 11 Điều 4:

“b) Định mức phân bổ:

- Kinh phí hoạt động thường xuyên: Tính theo số biên chế được giao.

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

Phân loại	Định mức phân bổ
Quản lý Nhà nước, Đảng, Mặt trận, Đoàn thể (Tổ chức chính trị - xã hội)	38

Điều 2. Thay thế một số cụm từ của Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước tỉnh Bạc Liêu năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh “*ban hành Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước tỉnh Bạc Liêu năm 2022*”, như sau:

Thay thế cụm từ “*Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao)*” bằng cụm từ “*Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao*” tại Điều 1, Điều 3, Điều 4, Điều 5.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu khóa X, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 12 năm 2022. Áp dụng cho năm ngân sách 2023 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách Nhà nước theo quy định.

Các nội dung khác không nêu tại nghị quyết này thực hiện theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh “*ban hành Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước tỉnh Bạc Liêu năm 2022*”/.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài chính; Bộ KH và ĐT (báo cáo);
- Tổng Kiểm toán Nhà nước (báo cáo);
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu (NH).



CHỦ TỊCH

Lữ Văn Hùng